

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
BIA SÀI GÒN MIỀN TÂY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 85 /2016/WSB

Cần Thơ, ngày 24 tháng 02 năm 2016

V/v công bố thông tin  
Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015

Kính gửi: **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC;  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI.**

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Miền Tây
2. Mã chứng khoán: WSB
3. Địa chỉ trụ sở: KCN Trà Nóc, P. Trà Nóc, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ
4. Điện thoại: 0710 3 843 333 Fax: 0710 3 843 222
5. Người thực hiện Công bố thông tin: Phạm Đình Hùng
6. Loại thông tin công bố:  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

**Nội dung thông tin công bố:**

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Miền Tây công bố Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 đã được kiểm toán bao gồm:

- + Bảng cân đối kế toán;
- + Bảng kết quả sản xuất kinh doanh;
- + Bảng lưu chuyển tiền tệ;
- + Thuyết minh báo cáo tài chính.

Địa chỉ đăng tải Nội dung Báo cáo tài chính: [www.wsb-sabeco.com.vn](http://www.wsb-sabeco.com.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận: *Như*  
- Như trên;  
- Lưu HC-TH;

**NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT**



*Phạm Đình Hùng*  
**Phạm Đình Hùng**

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN MIỀN TÂY**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN MIỀN TÂY**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01 – DN/ HN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02 – DN/ HN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03 – DN/ HN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09 – DN/ HN)	9

## CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN MIỀN TÂY

### THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

#### Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh

Số 5703000144 ngày 13 tháng 4 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp.

Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần và lần thay đổi gần nhất, lần thứ 5, ngày 16 tháng 9 năm 2008, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp.

#### Hội đồng Quản trị

Bà Phạm Thị Hồng Hạnh	Chủ tịch
Ông Phạm Đình Hùng	Thành viên
Ông Đỗ Văn Vẻ	Thành viên
Ông Trần Công Tước	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Đồi	Thành viên

#### Ban Kiểm soát

Ông Đồng Việt Trung	Trưởng ban
Ông Lê Xuân Khởi	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Doanh	Thành viên

#### Ban Giám đốc

Ông Phạm Đình Hùng	Giám đốc
Ông Lê Đăng Khoa	Phó Giám đốc
Ông Phạm Minh Quân	Phó Giám đốc (từ ngày 4 tháng 9 năm 2015)

#### Người đại diện theo pháp luật

Ông Phạm Đình Hùng	Giám đốc
--------------------	----------

#### Trụ sở chính

Khu Công nghiệp Trà Nóc, Phường Trà Nóc  
Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ

#### Kiểm toán viên

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam

## CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN MIỀN TÂY

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Miền Tây ("Công ty") chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của các báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

### PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 42. Các báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



Phạm Đình Hùng  
Giám đốc

TP. Cần Thơ, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 24 tháng 2 năm 2016



## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN MIỀN TÂY**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Miền Tây (“Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2015 và được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt ngày 24 tháng 2 năm 2016. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 42.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đề cập ở Thuyết minh số 6 của báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn chưa ghi nhận các khoản thuế tiêu thụ đặc biệt (“thuế TTĐB”) phải nộp bổ sung cho các năm 2013, 2014 và 2015 như một khoản chi phí thuế trên báo cáo tài chính hợp nhất mà chỉ ghi nhận khoản thuế TTĐB đã nộp bổ sung vào Ngân sách Nhà nước (“NSNN”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như một khoản phải thu ngắn hạn khác từ Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn, công ty mẹ. Nếu Tập đoàn ghi nhận các khoản thuế TTĐB này như một khoản chi phí thuế thì lợi nhuận trước thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm 56.902.019.419 và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm 131.508.005.554 Đồng, số dư khoản phải thu ngắn hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm 131.508.005.554 Đồng.

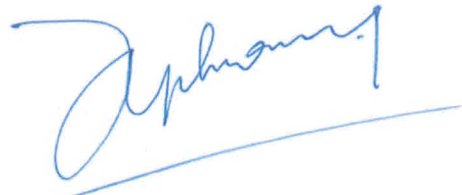
### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam



Quách Thành Châu  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
0875-2013-006-1  
Chữ ký được ủy quyền



Lại Hùng Phương  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
2432-2013-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM4999  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 2 năm 2016

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của các báo cáo tài chính hợp nhất, các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

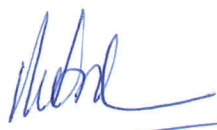
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2015 VNĐ	2014 VNĐ (Trình bày lại- Thuyết minh 37)
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>264.638.705.123</b>	<b>323.664.922.851</b>
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	1.302.904.834	143.087.347.918
111	Tiền		1.302.904.834	487.347.918
112	Các khoản tương đương tiền		-	142.600.000.000
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>201.197.676.972</b>	<b>85.604.683.465</b>
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	65.951.048.070	72.602.460.217
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	1.514.069.884	10.137.865.991
136	Phải thu ngắn hạn khác	6	134.380.559.018	3.512.357.257
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(648.000.000)	(648.000.000)
<b>140</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	7	<b>61.518.993.613</b>	<b>94.016.731.594</b>
141	Hàng tồn kho		61.518.993.613	94.016.731.594
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>619.129.704</b>	<b>956.159.874</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		619.129.704	924.520.968
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	31.638.906
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>853.178.185.048</b>	<b>878.968.472.490</b>
<b>210</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>3.000.000</b>	<b>3.000.000</b>
216	Phải thu dài hạn khác		3.000.000	3.000.000
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>761.288.641.076</b>	<b>514.949.156.565</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	8(a)	761.288.641.076	512.131.264.501
222	Nguyên giá		1.001.309.288.820	682.521.716.438
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(240.020.647.744)	(170.390.451.937)
227	Tài sản cố định vô hình	8(b)	-	2.817.892.064
228	Nguyên giá		73.881.710	3.677.163.142
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(73.881.710)	(859.271.078)
<b>240</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>255.396.236</b>	<b>283.651.440.259</b>
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	255.396.236	283.651.440.259
<b>250</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	10	<b>52.735.907.401</b>	<b>55.824.508.830</b>
252	Đầu tư vào công ty liên kết		40.480.720.601	36.569.322.030
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		12.255.186.800	19.255.186.800
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>38.895.240.335</b>	<b>24.540.366.836</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn	11	35.690.639.102	20.443.708.948
263	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		3.204.601.233	4.096.657.888
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>1.117.816.890.171</b>	<b>1.202.633.395.341</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 42 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2015 VNĐ	2014 VNĐ
				(Trình bày lại- Thuyết minh 37)
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>657.915.474.874</b>	<b>785.590.580.533</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>412.120.021.749</b>	<b>432.966.251.343</b>
311	Phải trả người bán ngắn hạn	12	102.736.782.597	131.086.828.410
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		36.448.700	-
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	75.840.105.319	233.702.064.317
314	Phải trả người lao động	14	11.171.539.154	7.563.666.270
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	15	7.087.687.356	23.627.336.727
319	Phải trả ngắn hạn khác	16	4.455.374.835	15.760.104.384
320	Vay ngắn hạn	17(a)	197.469.396.293	13.000.000.000
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	13.322.687.495	8.226.251.235
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>245.795.453.125</b>	<b>352.624.329.190</b>
337	Phải trả dài hạn khác		234.000.000	266.000.000
338	Vay dài hạn	17(b)	245.500.000.000	352.358.329.190
342	Dự phòng phải trả dài hạn		61.453.125	-
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>459.901.415.297</b>	<b>417.042.814.808</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>459.901.415.297</b>	<b>417.042.814.808</b>
411	Vốn góp của chủ sở hữu	19, 20	145.000.000.000	145.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		145.000.000.000	145.000.000.000
418	Quỹ đầu tư phát triển	20	204.940.923.641	184.283.322.027
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	20	109.960.491.656	87.759.492.781
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		49.355.958.191	26.627.562.249
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		60.604.533.465	61.131.930.532
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.117.816.890.171</b>	<b>1.202.633.395.341</b>

  
Dương Thị Thúy Hồng  
Người lập

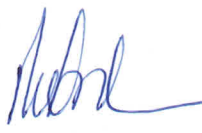
  
Trần Thị Loan Anh  
Kế toán trưởng




  
Phạm Đình Hùng  
Giám đốc  
Ngày 24 tháng 2 năm 2016

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm		
		2015 VNĐ	2014 VNĐ (Trình bày lại- Thuyết minh 37)	
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	826.048.957.427	759.701.523.601
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	(183.765.140)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		826.048.957.427	759.517.758.461
11	Giá vốn hàng bán	22	(677.769.852.669)	(622.804.471.110)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		148.279.104.758	136.713.287.351
21	Doanh thu hoạt động tài chính	23	3.941.698.470	4.405.827.002
22	Chi phí tài chính	24	(27.041.604.822)	(20.335.002.727)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(25.194.577.774)	(20.548.947.064)
24	Phần lãi trong công ty liên kết	11	8.315.798.571	6.258.434.845
25	Chi phí bán hàng		(119.911.247)	(3.435.136.457)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(31.511.931.794)	(22.080.204.787)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		101.863.153.936	101.527.205.227
31	Thu nhập khác		2.403.847.126	4.455.923.028
32	Chi phí khác		(313.059.546)	(697.347.586)
40	Lợi nhuận khác		2.090.787.580	3.758.575.442
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		103.953.941.516	105.285.780.669
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	27	(8.486.709.606)	(8.286.536.069)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN		95.467.231.910	96.999.244.600
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	5.714	5.735

  
 Dương Thị Thúy Hồng  
 Người lập

  
 Trần Thị Loan Anh  
 Kế toán trưởng

  
  
 Phạm Đình Hùng  
 Giám đốc  
 Ngày 24 tháng 2 năm 2016

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2015 VNĐ	2014 VNĐ
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>103.953.941.516</b>	<b>105.285.780.669</b>
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định	9(a), 9(b) 69.970.809.824	46.513.079.073
03	Hoàn nhập các khoản dự phòng	-	(400.000.000)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(5.224.527.455)	(14.311.727.786)
06	Chi phí lãi vay	24 25.194.577.774	20.548.947.064
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>193.894.801.659</b>	<b>157.636.079.020</b>
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	(117.167.230.518)	6.342.591.835
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho	33.188.875.977	(13.646.432.793)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả	(193.963.907.291)	176.678.807.208
12	(Tăng)/giảm các chi phí trả trước	(11.200.072.969)	13.760.151.999
13	Tiền lãi vay đã trả	(26.457.781.628)	(24.780.766.923)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(11.539.320.783)	(7.891.049.004)
16	Chi khác từ hoạt động kinh doanh	(11.262.195.161)	(10.819.089.044)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(144.506.830.714)</b>	<b>297.280.292.298</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(43.059.009.245)	(325.324.031.078)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	7.057.237.295
24	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	7.400.000.000	-
27	Thu lãi tiền gửi ngân hàng, cổ tức được chia	6.822.488.297	7.758.240.991
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(28.836.520.948)</b>	<b>(310.508.552.792)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	141.469.396.293	156.645.074.900
34	Chi trả nợ gốc vay	(63.858.329.190)	(54.480.559.438)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	(46.052.158.525)	(28.469.347.825)
40	<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>31.558.908.578</b>	<b>73.695.167.637</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>(141.784.443.084)</b>	<b>60.466.907.143</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3 143.087.347.918	82.620.440.775
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3 1.302.904.834	143.087.347.918

  
Dương Thị Thúy Hồng  
Người lập

  
Trần Thị Loan Anh  
Kế toán trưởng



  
Phạm Đình Hùng  
Giám đốc  
Ngày 24 tháng 2 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 42 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Cần Thơ được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5703000144 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp ngày 13 tháng 4 năm 2005. Tại ngày 6 tháng 6 năm 2006, theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Cần Thơ đổi tên thành Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Miền Tây (“Công ty”) trên cơ sở hợp nhất giữa Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Cần Thơ và Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sóc Trăng. Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh gần nhất của Công ty, lần thứ 5, ngày 16 tháng 9 năm 2008, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp.

Ngày 10 tháng 8 năm 2010, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường UPCOM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, theo Thông báo số 694/TB-SGDHN ngày 3 tháng 8 năm 2010.

Hoạt động chính của Công ty và công ty con bao gồm: sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, cồn, nước giải khát, nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai, sản xuất đồ uống không cồn; kinh doanh chế biến nông sản để làm nguyên liệu sản xuất bia, cồn, nước giải khát và xuất khẩu; kinh doanh địa ốc, kinh doanh nhà hàng, văn phòng, nhà kho, bãi; chế biến kinh doanh thức ăn gia súc; nuôi trồng thủy hải sản; kinh doanh vật tư nguyên liệu, thiết bị, phụ tùng chuyên ngành sản xuất bia, nước giải khát; vận tải đường bộ; kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là trong vòng 12 tháng.

Công ty có một công ty con và một công ty liên kết như sau.

STT	Tên	Địa chỉ	Hoạt động chính	% quyền sở hữu và % quyền biểu quyết	
				2015	2014
<b>Công ty con</b>					
1	Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn – Sóc Trăng	Lô S, Khu công nghiệp An Nghiệp xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, cồn, nước giải khát	100	100
<b>Công ty liên kết</b>					
2	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu	Lô B5, Khu công nghiệp Trà Kha, Phường 8, TP. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, cồn, nước giải khát	20	20

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn có 289 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 290 nhân viên).

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất

Các báo cáo tài chính hợp nhất đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính hợp nhất được soạn theo nguyên tắc giá gốc.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

### 2.2 Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) - *Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp* thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC (“Quyết định 15”) ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009. Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Cùng ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính cũng ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) - *Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất* thay thế hướng dẫn về việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trong Phần XIII của Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 được áp dụng kể từ năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Sau đây là các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Tập đoàn được áp dụng phi hồi tố theo hướng dẫn của Thông tư 200 và Thông tư 202:

- Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và đánh giá lại tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ - Thuyết minh 2.5.

Theo Quyết định 15, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán.

Mặt khác, theo Thông tư 200, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty và công ty con mở tài khoản ngoại tệ.

- Đầu tư - Thuyết minh 10.

Theo Thông tư 200, Tập đoàn phải thuyết minh giá trị hợp lý của các khoản đầu tư. Trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý thì Tập đoàn cần thuyết minh trình bày lý do.

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.2 Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng (tiếp theo)

- Lãi cơ bản trên cổ phiếu - Thuyết minh 28.

Theo Quyết định 15, Tập đoàn phải tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo các khoản lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty, lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (tử số) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (mẫu số).

Tuy nhiên, theo Thông tư 200 lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách dùng lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi trừ đi số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (tử số) chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (mẫu số).

Một số số liệu so sánh đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của năm nay theo Thông tư 200 và Thông tư 202. Chi tiết về việc phân loại lại các số liệu so sánh được trình bày tại Thuyết minh 37.

### 2.3 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### 2.4 Hợp nhất báo cáo

Công ty soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 25 - Báo cáo tài chính hợp nhất và Kế toán các khoản đầu tư vào công ty con.

#### **Công ty con**

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tập đoàn. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Tập đoàn sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông thiểu số. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.4 Hợp nhất báo cáo (tiếp theo)

#### **Công ty con (tiếp theo)**

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất. Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng thống nhất tại Công ty và công ty con.

#### **Công ty liên kết**

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và phần chia của biến động trong các quỹ dự trữ sau khi đầu tư vào công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào quỹ dự trữ hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, Tập đoàn sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho liên doanh và các công ty liên kết.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tập đoàn với các bên liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tập đoàn trong các bên liên kết. Các chính sách kế toán của các bên liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tập đoàn áp dụng.

### 2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (“VNĐ” hoặc “Đồng”).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty và công ty con mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.7 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

**2.8 Khoản phải thu khách hàng**

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

**2.9 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

**2.10 Đầu tư tài chính dài hạn****(a) Đầu tư vào các công ty liên kết**

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tập đoàn vào các công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

**(b) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Giám đốc đã dự đoán từ khi đầu tư.



**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.11 Tài sản cố định**

*Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

*Khấu hao*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của các nhóm tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5-38 năm
Máy móc thiết bị	5-15 năm
Phương tiện vận tải	6-10 năm
Thiết bị văn phòng	3-10 năm
TSCĐ vô hình khác	3 năm

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 49 năm phù hợp với Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất do Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 25 tháng 8 năm 2004.

*Thanh lý*

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**2.12 Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.13 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

**2.14 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là tiền thuê đất trả trước; công cụ, dụng cụ; và bao bì đã đưa vào sử dụng. Chi phí này được ghi nhận theo giá gốc và được kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn phân bổ.

## **2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

### **2.15 Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập báo cáo tài chính.

### **2.16 Chi phí phải trả**

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

### **2.17 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

### **2.18 Vốn chủ sở hữu**

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu bao gồm:

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty còn lại sau khi trích lập các quỹ tại thời điểm báo cáo.

### **2.19 Phương pháp trích lập các quỹ**

#### **(a) Quỹ dự phòng tài chính**

Quỹ dự phòng tài chính không còn được sử dụng. Số dư còn lại của quỹ này đã được chuyển sang quỹ đầu tư phát triển.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.19 Phương pháp trích lập các quỹ (tiếp theo)**

**(b) Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế và được các cổ đông phê duyệt tại Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên.

**(c) Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế và được các cổ đông phê duyệt tại Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên.

**2.20 Ghi nhận doanh thu**

**(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng.

**(b) Doanh thu dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp.

**(c) Thu nhập lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

**(d) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập cổ tức được ghi nhận trong giai đoạn Tập đoàn xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

**2.21 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

**2.22 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.23 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

**2.24 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**2.25 Chia cổ tức**

Cổ tức của cổ đông được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên.

**2.26 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.27 Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Tập đoàn nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tập đoàn một cách toàn diện.

**3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>2015</b> <b>VNĐ</b>	<b>2014</b> <b>VNĐ</b>
Tiền mặt	329.675.218	174.596.645
Tiền gửi ngân hàng	973.229.616	312.751.273
Các khoản tương đương tiền (*)	-	142.600.000.000
	<u>1.302.904.834</u>	<u>143.087.347.918</u>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng có thời hạn đáo hạn ban đầu dưới 3 tháng.

**4 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>2015</b> <b>VNĐ</b>	<b>2014</b> <b>VNĐ</b>
Bên thứ ba	179.288.750	105.696.762
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	65.771.759.320	72.496.763.455
	<u>65.951.048.070</u>	<u>72.602.460.217</u>

**5 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<b>2015</b> <b>VNĐ</b>	<b>2014</b> <b>VNĐ</b>
Bên thứ ba (*)	1.362.629.665	10.052.890.991
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	151.440.219	84.975.000
	<u>1.514.069.884</u>	<u>10.137.865.991</u>

**5 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)**

(\*) Chủ yếu bao gồm các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn sau:

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Công ty TNHH Việt Phong	648.000.000	648.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tư vấn, Thiết kế, Đầu tư và Xây dựng Công trình Giao thông Đạt Hiệp Thành	-	617.985.419
Công ty TNHH Xây Dựng Trí Việt	-	5.454.030.600
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng T&C	-	1.431.911.500
Công ty TNHH Xây Dựng Thương mại Nền Móng Số 1	-	860.323.953
	<u>648.000.000</u>	<u>20.752.710.472</u>

**6 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	2015 VNĐ	2014 VNĐ (Trình bày lại)
Cổ tức và lợi nhuận được chia từ bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	2.002.000.000	1.601.600.000
Phải thu từ người lao động	856.023.839	1.363.732.105
Khoản chi hộ cho bên liên quan (*) (Thuyết minh 34(b))	131.508.005.554	-
Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	-	53.521.280
Ký cược, ký quỹ	5.000.000	5.000.000
Cho các bên liên quan mượn vật tư (Thuyết minh 34(b))	-	92.411.700
Lãi tiền gửi	-	180.037.500
Khác	9.529.625	216.054.672
	<u>134.380.559.018</u>	<u>3.512.357.257</u>

(\*) Theo Thông báo số 119/TB-KTNN ngày 4 tháng 2 năm 2015 của Kiểm toán Nhà nước và Kết luận Thanh tra số 18234/BTC-Ttr ngày 8 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính, Tập đoàn phải nộp bổ sung thuế tiêu thụ đặc biệt (“thuế TTĐB”) vào Ngân sách Nhà nước (“NSNN”) với số tiền 24.841.512.278 Đồng cho năm 2013; 89.209.702.773 Đồng cho năm 2014 và 9 tháng đầu năm 2015. Ngoài ra, Ban Giám đốc Công ty cũng ước tính thuế TTĐB phải nộp bổ sung cho 3 tháng cuối năm 2015 là 17.456.790.503 Đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn đã nộp 131.508.005.554 Đồng tiền thuế TTĐB bổ sung vào NSNN. Theo quan điểm của Ban Giám đốc, toàn bộ số thuế TTĐB phải nộp bổ sung cho năm 2013, 2014 và 2015 sẽ được Tổng Công ty Cổ phần - Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn, công ty mẹ, hoàn trả. Do đó, Ban Giám đốc chưa ghi nhận các khoản thuế TTĐB phải nộp bổ sung này như một khoản chi phí thuế vào báo cáo tài chính hợp nhất mà chỉ ghi nhận khoản thuế TTĐB đã nộp bổ sung vào NSNN tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như một khoản phải thu ngắn hạn khác từ công ty mẹ. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty chưa nhận được quyết định chính thức từ công ty mẹ liệu rằng trách nhiệm nộp bổ sung các khoản thuế này sẽ do công ty mẹ hay Tập đoàn chịu.

## 7 HÀNG TỒN KHO

	2015 VNĐ	2014 VNĐ (Trình bày lại)
Hàng đang đi trên đường	785.305.600	1.590.546.831
Nguyên vật liệu tồn kho	19.534.844.577	36.510.364.284
Công cụ, dụng cụ trong kho	7.172.782.240	17.548.023.208
Chi phí SXKD dở dang	20.347.410.280	25.542.293.255
Thành phẩm tồn kho	13.671.650.916	12.825.504.016
Hàng hóa	7.000.000	-
	<u>61.518.993.613</u>	<u>94.016.731.594</u>

Tập đoàn không có hàng tồn kho cần phải trích lập dự phòng vào cuối năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN MIỀN TÂY**

Mẫu số B 09 – DN/ HN

**8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

**(a) Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tổng cộng VNĐ
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	145.165.220.032	516.194.554.415	10.788.204.611	10.373.737.380	682.521.716.438
Mua trong năm	181.490.364	1.049.807.413		585.772.727	1.817.070.504
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dờ dang (Thuyết minh 9)	42.710.735.258	275.319.850.884	700.000	888.996.144	318.920.282.286
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 11)	(123.574.959)	-	-	-	(123.574.959)
Phân loại lại	(513.809.538)	513.809.538	-	-	-
Giảm khác	(628.170.387)	(764.584.816)	(510.805)	(432.939.441)	(1.826.205.449)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	186.791.890.770	792.313.437.434	10.788.393.806	11.415.566.810	1.001.309.288.820
<b>Khấu hao lũy kế</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	22.215.684.518	137.448.608.944	5.903.009.356	4.823.149.119	170.390.451.937
Khấu hao trong năm	9.509.323.220	58.245.996.580	1.070.259.721	1.063.983.127	69.889.562.648
Giảm khác	(119.834.969)	-	-	(139.531.872)	(259.366.841)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	31.605.172.769	195.694.605.524	6.973.269.077	5.747.600.374	240.020.647.744
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	122.949.535.514	378.745.945.471	4.885.195.255	5.550.588.261	512.131.264.501
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	155.186.718.001	596.618.831.910	3.815.124.729	5.667.966.436	761.288.641.076

Toàn bộ tài sản cố định hữu hình hình thành từ dự án Nhà Máy Bia Sài Gòn Sóc Trăng và dự án đầu tư đồng bộ Nhà máy Bia Sài Gòn – Cần Thơ đạt 50 triệu lít/năm được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay dài hạn của Tập đoàn với ngân hàng (Thuyết minh 17(b)).

Nguyên giá TSCĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 60.846.955.261 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 55.288.871.830 Đồng).



## 8 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH (tiếp theo)

## (b) Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VNĐ	TSCĐ vô hình khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	3.603.281.432	73.881.710	<b>3.677.163.142</b>
Giảm khác (*)	(3.603.281.432)	-	<b>(3.603.281.432)</b>
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	-	73.881.710	<b>73.881.710</b>
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
<b>Khấu hao lũy kế</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	785.389.368	73.881.710	<b>859.271.078</b>
Khấu hao trong năm	81.247.176	-	<b>81.247.176</b>
Giảm khác (*)	(866.636.544)	-	<b>(866.636.544)</b>
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	-	73.881.710	<b>73.881.710</b>
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	2.817.892.064	-	<b>2.817.892.064</b>
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	-	-	<b>-</b>
	<hr/>	<hr/>	<hr/>

(\*) Ban Giám đốc thực hiện kế hoạch tái cơ cấu hoạt động sản xuất và quyết định ngừng hoạt động Nhà máy Bia Sài Gòn – Sóc Trăng vào cuối năm 2015. Vì vậy, Tập đoàn đã hạch toán vào chi phí toàn bộ giá trị còn lại của quyền sử dụng đất tại Nhà máy Bia Sài Gòn - Sóc Trăng vào báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015.

## 9 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Số đầu năm	283.651.440.259	438.447.338.454
Tăng	41.241.938.741	320.603.351.536
Chuyển từ hàng tồn kho sang	200.918.659	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 11)	(3.586.237.545)	(2.346.212.188)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(31.653.416)	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 8(b))	(318.920.282.286)	(469.922.869.882)
Giảm khác	(2.300.728.176)	(3.130.167.661)
	<hr/>	<hr/>
Số cuối năm	255.396.236	283.651.440.259
	<hr/>	<hr/>

**9 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG (tiếp theo)**

Những công trình lớn được trình bày như sau:

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Dự án dây chuyền chiết chai ở công ty con	-	10.908.780.832
Dự án đầu tư đồng bộ Nhà máy Bia Sài Gòn - Cần Thơ đạt 50 triệu lít	-	270.496.074.083
Khác	255.396.236	2.246.585.344
	<u>255.396.236</u>	<u>283.651.440.259</u>

**10 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	<u>2015</u>		<u>2014</u>	
	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ
Đầu tư vào công ty liên kết (i)	40.480.720.601	-	36.569.322.030	-
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác (ii)	12.255.186.800	-	19.255.186.800	-
	<u>52.735.907.401</u>	<u>-</u>	<u>55.824.508.830</u>	<u>-</u>

(i) Biến động của khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày như sau:

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Số dư đầu năm	36.569.322.030	33.514.087.185
Phần lãi trong công ty liên kết	8.315.798.571	6.258.434.845
Cổ tức được chia	(4.404.400.000)	(3.203.200.000)
	<u>40.480.720.601</u>	<u>36.569.322.030</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN MIỀN TÂY**

Mẫu số B 09 – DN/ HN

**10 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

(ii) Chi tiết đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác như sau:

Công ty	Hoạt động chính	2015		2014		
		Số lượng cổ phiếu	Giá gốc (* ) VNĐ	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc (* ) VNĐ	Quyền sở hữu và biểu quyết % %
Công ty Cổ phần Bia – Nước Giải khát Sài Gòn – Tây Đô	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, còn, nước giải khát	2.002.000	10.100.000.000	1.010.000	10.100.000.000	9,71%
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại DIC	Kinh doanh khách sạn, du lịch, kinh doanh xăng dầu, kinh doanh các thiết bị phụ tùng công nghiệp, kinh doanh gas, kinh doanh các loại xe cơ giới, máy xây dựng, xe máy, kinh doanh sắt thép và vật liệu xây dựng, kinh doanh phân bón, kinh doanh thương mại, hàng hoá dùng cho sản xuất và tiêu dùng, sản xuất nước giải khát có gas và ché biến thực phẩm phục vụ du lịch	145.060	2.155.186.800	145.060	2.155.186.800	1,28%
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu, nước giải khát và các sản phẩm liên quan, bao gồm vật liệu và bao bì	-	-	100.000	7.000.000.000	0,02%
			<u>12.255.186.800</u>		<u>19.255.186.800</u>	

(\*) Tại ngày lập báo cáo tài chính, Tập đoàn không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này vì đây là các khoản đầu tư tài chính dài hạn không niêm yết trên thị trường chứng khoán.

**11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Công cụ, dụng cụ	386.875.018	-
Bao bì luân chuyển (i)	17.004.316.329	4.272.835.530
Tiền thuê đất (ii)	11.564.322.308	12.137.701.952
Khác	6.735.125.447	4.033.171.466
	<u>35.690.639.102</u>	<u>20.443.708.948</u>

- (i) Nguyên giá bao bì luân chuyển được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.
- (ii) Tiền thuê đất trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo thời hạn thuê đất.

Biến động chi phí trả trước dài hạn như sau:

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Số dư đầu năm	20.443.708.948	30.770.043.002
Mua mới	28.625.058.142	8.451.463.935
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản (Thuyết minh 9)	3.586.237.545	2.346.212.188
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 8(a))	123.574.959	390.432.943
Phân bổ trong năm	(17.087.940.492)	(21.514.443.120)
Số dư cuối năm	<u>35.690.639.102</u>	<u>20.443.708.948</u>

**12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Bên thứ ba (*)	7.859.891.856	30.562.398.783
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	94.876.890.741	100.524.429.627
	<u>102.736.782.597</u>	<u>131.086.828.410</u>

(\*) Chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán ngắn hạn sau:

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Công ty TNHH Cơ Nhiệt Điện Lạnh Bách Khoa	-	9.242.507.465
Công ty Cổ phần Lâm nghiệp và Xây dựng Việt Úc	-	6.294.339.550
	<u>-</u>	<u>15.536.847.015</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn có khả năng thanh toán tất cả các khoản phải trả người bán ngắn hạn nêu trên và Tập đoàn không có khoản phải trả người bán ngắn hạn nào quá hạn chưa thanh toán.

**13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	2014 VNĐ	Số phải nộp trong năm VNĐ	Số đã thực nộp trong năm VNĐ	2015 VNĐ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	18.363.662.297	85.182.395.834	(96.386.758.533)	7.159.299.598
Thuế tiêu thụ đặc biệt (*)	209.454.064.406	633.851.695.461	(778.131.688.272)	65.174.071.595
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	5.702.992.644	8.486.709.606	(11.539.320.783)	2.650.381.467
Thuế thu nhập cá nhân	177.159.770	1.879.017.216	(1.891.943.960)	164.233.026
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	938.869.852	(528.860.019)	410.009.833
Thuế tài nguyên	4.185.200	37.643.600	(39.719.000)	2.109.800
Các khoản phải nộp Nhà nước khác	-	289.000.000	(9.000.000)	280.000.000
	<u>233.702.064.317</u>	<u>730.665.331.569</u>	<u>(888.527.290.567)</u>	<u>75.840.105.319</u>

(\*) Như nêu tại Thuyết minh 6, Tập đoàn đã nộp bổ sung khoản thuế tiêu thụ đặc biệt (“thuế TTĐB”) vào Ngân sách Nhà nước cho năm 2013, năm 2014 và năm 2015 với tổng số tiền là 131.508.005.554 Đồng.

**14 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, phải trả người lao động thể hiện khoản tiền lương tháng 12, tiền lương tháng 13, và các khoản tiền thưởng phải trả cho người lao động.

**15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	59.400.000	16.713.573.200
Chi phí vận chuyển	5.200.000	816.813.000
Chi phí lãi vay	3.365.229.125	4.628.432.979
Chi phí trích trước trợ cấp mất việc làm (*)	1.775.341.250	-
Khác	1.882.516.981	1.468.517.548
	<u>7.087.687.356</u>	<u>23.627.336.727</u>

(\*) Theo quyết định tái cơ cấu hoạt động sản xuất, Tập đoàn đã ngừng hoạt động Nhà máy Bia Sài Gòn – Sóc Trăng vào cuối năm 2015. Theo đó, Tập đoàn thực hiện trích lập các khoản chi phí phát sinh liên quan tới việc đóng cửa nhà máy sản xuất này trong đó có trợ cấp mất việc làm phải trả cho người lao động.

16 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Kinh phí công đoàn	-	20.147.790
Bảo hiểm xã hội	10.574.595	25.338.900
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.000.000	-
Cổ tức phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	-	11.000.000.000
Cổ tức phải trả cho cổ đông khác	4.360.805.073	3.820.602.073
Khác	78.995.167	894.015.621
	<u>4.455.374.835</u>	<u>15.760.104.384</u>

17 CÁC KHOẢN VAY

(a) Vay ngắn hạn

	Tại ngày 1.1.2015 VNĐ	Trong năm		Tại ngày 31.12.2015 VNĐ
		Tăng VNĐ	Giảm VNĐ	
Vay ngân hàng (*)	-	580.831.193.803	(426.361.797.510)	154.469.396.293
Vay dài hạn đến hạn trả	13.000.000.000	43.000.000.000	(13.000.000.000)	43.000.000.000
	<u>13.000.000.000</u>	<u>623.831.193.803</u>	<u>(439.361.797.510)</u>	<u>197.469.396.293</u>

(\*) Vay ngân hàng bao gồm các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4, Tp. Hồ Chí Minh với hạn mức cho vay là 170.000.000.000 Đồng, chịu lãi suất từ 4,5% - 5,5%/năm và với hạn mức tín dụng là 110.000.000.000 Đồng, chịu lãi suất thả nổi bằng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà Nước ban hành cộng biên độ 3,5%/năm và được điều chỉnh mỗi tháng. Khoản vay được dùng để bổ sung vốn lưu động cho Tập đoàn, được Tổng Công ty Cổ phần - Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn, công ty mẹ bảo lãnh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN MIỀN TÂY**

Mẫu số B 09 – DN/ HN

**17 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)**

**(b) Vay dài hạn**

	Trong năm			Vay dài hạn đến hạn trả VNĐ	Tại ngày 31.12.2015 VNĐ
	Tại ngày 1.1.2015 VNĐ	Tăng VNĐ	Giảm VNĐ		
Vay ngân hàng	352.358.329.190	-	(63.858.329.190)	(43.000.000.000)	245.500.000.000

Chi tiết các khoản vay ngân hàng như sau:

Khoản vay số	Thời điểm giải ngân	Thời hạn thanh toán	Hạn mức tín dụng VNĐ	Lãi suất/năm %	2015	2014
					VNĐ	VNĐ
1	Tháng 5 năm 2014	Tháng 5 năm 2020	200.000.000.000	7%	60.000.000.000	136.858.329.190
2	Tháng 10 năm 2012	Tháng 10 năm 2021	450.000.000.000	7,5%	185.500.000.000	215.500.000.000
					245.500.000.000	352.358.329.190

Các khoản vay đều có thời gian ân hạn chi trả lãi vay là 18 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Các khoản vay trên được dùng để đầu tư cho dự án đầu tư đồng bộ hóa Nhà máy Bia Sài Gòn - Cần Thơ đạt công suất 50 triệu lít/năm và dự án Nhà máy Bia Sài Gòn – Sóc Trăng và có tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay (Thuyết minh 8(a)).

**18 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Số đầu năm	8.226.251.235	(681.988.870)
Trích lập thêm từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*) (Thuyết minh 20)	12.614.622.715	19.209.345.941
Tăng khác	-	517.983.208
Điều chỉnh trong năm (Thuyết minh 20)	3.744.008.706	-
Chi trả trong năm	(11.262.195.161)	(10.819.089.044)
Số cuối năm	<u>13.322.687.495</u>	<u>8.226.251.235</u>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, khoản trích lập thêm từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối bao gồm số trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2013 với số tiền là 9.117.517.424 Đồng.

**19 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

**(a) Số lượng cổ phiếu**

	2015 Cổ phiếu phổ thông	2014 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	14.500.000	14.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<u>14.500.000</u>	<u>14.500.000</u>

**(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	2015		2014	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	7.395.000	51	7.395.000	51
Vốn góp của các đối tượng khác	7.105.000	49	7.105.000	49
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	<u>14.500.000</u>	<u>100</u>	<u>14.500.000</u>	<u>100</u>

**(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần**

	Số lượng cổ phiếu	Cổ phiếu thường VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>14.500.000</u>	<u>145.000.000.000</u>	<u>145.000.000.000</u>

Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 Đồng trên một cổ phiếu.



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN MIỀN TÂY

Mẫu số B 09 – DN/ HN

20 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp chủ sở hữu VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ (Trình bày lại)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	145.000.000.000	141.644.448.431	85.958.467.718	372.602.916.149
Lợi nhuận trong năm	-	-	96.999.244.600	96.999.244.600
Trích lập quỹ đầu tư phát triển cho năm 2013 và năm 2014	-	42.638.873.596	(42.638.873.596)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2014 và năm 2013 (Thuyết minh 18)	-	-	(19.209.345.941)	(19.209.345.941)
Chia cổ tức (Thuyết minh 29)	-	-	(33.350.000.000)	(33.350.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại)	145.000.000.000	184.283.322.027	87.759.492.781	417.042.814.808
Lợi nhuận trong năm	-	-	95.467.231.910	95.467.231.910
Chia cổ tức (*) (Thuyết minh 29)	-	-	(36.250.000.000)	(36.250.000.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển cho năm 2015	-	22.248.075.730	(22.248.075.730)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2015 (Thuyết minh 18)	-	-	(12.614.622.715)	(12.614.622.715)
Điều chỉnh quỹ đầu tư phát triển trích trong năm 2014	-	(1.590.474.116)	1.590.474.116	-
Điều chỉnh quỹ đầu tư khen thưởng, phúc lợi trích trong năm 2014 (Thuyết minh 18)	-	-	(3.744.008.706)	(3.744.008.706)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	145.000.000.000	204.940.923.641	109.960.491.656	459.901.415.297

(\*) Căn cứ theo Nghị quyết số 04/2015/NQ-ĐHCB ngày 20 tháng 4 năm 2015, Đại Hội đồng Cổ đông đã thông qua phương án chia cổ tức bằng tiền mặt cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 25% mệnh giá (tương đương với 36.250.000.000 Đồng). Công ty đã chi quyết toán cổ tức bằng tiền mặt trong năm 2015.

Tập đoàn căn cứ theo Nghị quyết họp Đại Hội đồng Cổ đông hàng năm để thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và công ty con. Số trích lập của năm 2015 có thể được điều chỉnh theo kết quả họp Đại Hội đồng Cổ đông vào đầu năm 2016.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN MIỀN TÂY**

Mẫu số B 09 – DN/ HN

**21 DOANH THU**

	<b>2015</b> <b>VNĐ</b>	<b>2014</b> <b>VNĐ</b> (Trình bày lại)
Doanh thu bán hàng	813.653.995.088	749.424.578.147
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.934.746.455	617.279.158
Doanh thu khác	10.460.215.884	9.659.666.296
	<u>826.048.957.427</u>	<u>759.701.523.601</u>

**22 GIÁ VỐN**

	<b>2015</b> <b>VNĐ</b>	<b>2014</b> <b>VNĐ</b>
Giá vốn thành phẩm đã bán	675.338.095.196	620.236.703.595
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.506.773.919	1.244.948.436
Giá vốn khác	924.983.554	1.322.819.079
	<u>677.769.852.669</u>	<u>622.804.471.110</u>

**23 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>2015</b> <b>VNĐ</b>	<b>2014</b> <b>VNĐ</b>
Lãi tiền gửi	613.993.069	2.767.309.002
Cổ tức và lợi nhuận được chia	2.818.488.297	1.638.518.000
Lợi nhuận chuyển nhượng các khoản đầu tư	400.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	109.217.104	-
	<u>3.941.698.470</u>	<u>4.405.827.002</u>

**24 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>2015</b> <b>VNĐ</b>	<b>2014</b> <b>VNĐ</b>
Lãi tiền vay	25.194.577.774	20.548.947.064
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1.795.912.728	146.055.663
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	-	(400.000.000)
Khác	51.114.320	40.000.000
	<u>27.041.604.822</u>	<u>20.335.002.727</u>

## 25 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Chi phí nhân viên	12.680.398.384	11.457.027.561
Chi phí vật liệu	378.848.410	781.966.733
Khấu hao tài sản cố định	4.265.382.145	1.566.839.268
Chi phí công tác, giao tế và họp hội	5.159.700.182	1.866.874.318
Khác	9.027.602.673	6.407.496.907
	<u>31.511.931.794</u>	<u>22.080.204.787</u>

## 26 CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	517.594.644.759	507.131.254.291
Chi phí nhân công	55.821.356.465	51.970.875.064
Chi phí khấu hao TSCĐ	71.361.500.848	46.513.079.073
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.783.863.979	27.854.778.302
Các chi phí khác bằng tiền	24.070.397.137	17.138.168.720
	<u>702.631.763.188</u>	<u>650.608.155.450</u>

## 27 THUẾ

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Miền Tây**

Công ty được hưởng mức thuế suất thu nhập doanh nghiệp ưu đãi theo theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5703000144 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp ngày 13 tháng 4 năm 2005 và Công văn số 9024/BTC-CST ngày 18 tháng 7 năm 2005 như sau:

## (a) Đối với hoạt động sản xuất chính:

Tại Nhà máy bia Sài Gòn – Cần Thơ: Tập đoàn được hưởng thuế suất ưu đãi 15% trong 12 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động (2005 – 2016), được miễn 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (2005 – 2007) và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo (2008 – 2014).

Tại Nhà máy bia Sài Gòn – Sóc Trăng: Tập đoàn được hưởng thuế suất ưu đãi 20% trong 12 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động (2005 – 2014), được miễn 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (2005 – 2006) và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo (2007 – 2013).

## (b) Đối với hoạt động dịch vụ trong khu công nghiệp:

Tập đoàn được hưởng mức thuế suất 20% trong 10 năm kể từ khi hoạt động (2005 - 2014), được miễn thuế 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (2005 – 2006) và giảm 50% trong 6 năm tiếp theo (2007 – 2013).

**27 THUẾ (tiếp theo)**

**Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn – Sóc Trăng**

Theo Giấy Chứng nhận đầu tư số 59221000029 do Ban Quản lý các Khu Công Nghiệp tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 3 tháng 4 năm 2012, công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong 15 năm và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2014), giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo.

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn khác với số thuế khi được tính theo thuế suất hiện hành được thể hiện như sau:

	<b>2015</b> <b>VNĐ</b>	<b>2014</b> <b>VNĐ</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	103.953.941.516	105.285.780.669
Thuế tính ở thuế suất 10%	5.223.493.761	4.712.661.208
Thuế tính ở thuế suất 15%	2.030.789.868	2.493.279.050
Thuế tính ở thuế suất 20%	-	5.740.496.916
Thuế tính ở thuế suất 22%	22.133.241.602	2.151.509.542
Điều chỉnh:		
Giảm trừ 50% của thuế tính ở thuế suất 15%	-	(1.301.151.007)
Thu nhập không chịu thuế	(16.112.175.641)	(1.065.177.960)
Chi phí không được khấu trừ	295.510.180	999.029.168
Dự phòng thiếu của năm trước	185.762.697	-
Ưu đãi thuế	(5.269.912.861)	(5.444.110.848)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>8.486.709.606</u>	<u>8.286.536.069</u>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

**28 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	<b>2015</b> <b>VNĐ</b>	<b>2014</b> <b>VNĐ</b> (Trình bày lại)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VNĐ)	82.852.609.195	83.163.407.377
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	14.500.000	14.500.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)	<u>5.714</u>	<u>5.735</u>

**29 CỔ TỨC**

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Số dư đầu năm	14.820.602.073	10.816.595.073
Cổ tức phải trả trong năm (Thuyết minh 20)	36.250.000.000	33.350.000.000
Cổ tức đã chi trả bằng tiền	(46.052.158.525)	(28.469.617.825)
Giảm khác	(657.638.475)	(876.375.175)
	<u>4.360.805.073</u>	<u>14.820.602.073</u>

**30 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	2015	2014
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (VNĐ) (*)	6.086.652.000	-
Ngoại tệ (USD)	-	224,45
	<u>6.086.652.000</u>	<u>224,45</u>

(\*) Chi tiết được trình bày như sau:

Loại hàng	Đơn vị	2015		2014	
		Số lượng	Giá trị VNĐ	Số lượng	Giá trị VNĐ
Bia lon	Thùng	6.300	873.432.000	-	-
Bia chai	Két	67.250	5.213.220.000	-	-
		<u>73.550</u>	<u>6.086.652.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tất cả các loại hàng hóa trên đều có chất lượng tốt và được Tập đoàn bảo quản ở khu vực riêng.

**31 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính duy nhất của Tập đoàn là sản xuất và phân phối bia, do đó Tập đoàn không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Tập đoàn chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam.



**33 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Các hoạt động của Tập đoàn có thể chịu một số rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nhìn chung, các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

**(a) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá.

*(i) Rủi ro tiền tệ*

Tập đoàn không chịu rủi ro tiền tệ do tài sản và nợ tài chính có số dư bằng ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là không đáng kể.

*(ii) Rủi ro giá*

Trong năm, Tập đoàn không chịu rủi ro về giá do Tập đoàn không phát sinh các khoản giao dịch chứng khoán nào. Tập đoàn cũng không chịu rủi ro trọng yếu về giá của hàng hóa.

*(iii) Rủi ro lãi suất*

Tập đoàn chịu rủi ro lãi suất đáng kể đối với các khoản vay của Tập đoàn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nếu lãi suất VNĐ tăng/giảm 1% trong khi tất cả các biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận sau thuế trong năm sẽ thấp/cao hơn 2.713.162.093 Đồng do chi phí lãi của các khoản vay này cao/thấp hơn.

**(b) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi khách hàng hoặc đối tác trong các giao dịch công cụ tài chính không thực hiện được các nghĩa vụ hợp đồng, gây tổn thất tài chính cho Tập đoàn. Ban Giám đốc đánh giá rủi ro tín dụng của Tập đoàn là thấp vì trong năm Tập đoàn chủ yếu giao dịch bán hàng với Công ty TNHH Một Thành viên Thương Mại Bia Sài Gòn, một công ty liên quan được sở hữu 100% vốn điều lệ bởi Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Bia Sài Gòn.

**(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng.

**33 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**(c) Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)**

Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1 đến 2 năm VNĐ	Từ 2 năm trở lên VNĐ
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>			
Phải trả người bán và các khoản phải trả khác	107.192.157.432	233.999.999	-
Chi phí phải trả	7.087.687.356	-	-
Các khoản vay	197.469.396.293	72.000.000.000	173.500.000.000
	<u>311.749.241.081</u>	<u>72.233.999.999</u>	<u>173.500.000.000</u>
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>			
Phải trả người bán và các khoản phải trả khác	146.846.932.794	266.000.000	-
Chi phí phải trả	23.627.336.727	-	-
Các khoản vay	13.000.000.000	60.412.962.042	291.945.367.148
	<u>183.474.269.521</u>	<u>60.678.962.042</u>	<u>291.945.367.148</u>

**34 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Tập đoàn được kiểm soát bởi Tổng Công ty Cổ Phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn do chiếm 51% vốn cổ phần của Công ty.

**(a) Giao dịch với các bên liên quan**

Trong năm, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
<b>i) Doanh thu bán hàng và dịch vụ (đã bao gồm thuế GTGT và thuế TTĐB)</b>		
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	1.505.376.368.294	1.371.316.789.161
Tổng Công ty Bia - Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	857.540.750	-
Công ty TNHH Thủy Tinh Malaya Việt Nam	92.117.300	119.681.100
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	230.819.901	605.895.642
Công ty Cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô	18.827.600	56.474.090
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	137.005.190	200.369.353
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	-	25.606.000
	<u>1.506.712.679.035</u>	<u>1.372.324.815.346</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN MIỀN TÂY**

Mẫu số B 09 – DN/ HN

**34 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)**

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
<b>ii) Mua hàng hóa và dịch vụ (đã bao gồm thuế VAT)</b>		
Công ty TNHH Một Thành viên Thương Mại Bia Sài Gòn	2.112.000.000	19.025.782.014
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	439.123.422.177	437.947.732.871
Công ty Cổ phần Kinh doanh Lương Thực Thực Phẩm Sabeco	8.727.768.500	-
Công ty Cổ phần Vận tải & Giao nhận Bia Sài Gòn	959.339.902	466.768.500
Công ty TNHH Một Thành viên Cơ Khí Sabeco	325.787.640	2.695.342.000
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	84.975.000	509.850.000
Công ty Cổ Phần Thương mại Bia Sài Gòn - Sông Hậu	780.647.274	667.500.620
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	1.008.790.147	-
Công ty Cổ Phần Bia - Nước Giải khát Sài Gòn - Tây Đô	47.452.648	176.752.917
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Lý	187.000.009	-
Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương	32.032.009	-
	<u>453.389.215.306</u>	<u>461.489.728.922</u>
<b>iii) Bán tài sản cố định</b>		
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	-	2.905.000.000
<b>iv) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt</b>		
Lương và các quyền lợi gộp khác	<u>2.895.931.557</u>	<u>2.287.369.802</u>

34 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 4)</b>		
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	65.736.738.540	72.432.700.375
Công ty TNHH Thủy Tinh Malaya Việt Nam	-	32.748.650
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	23.811.458	17.751.454
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	11.209.322	7.247.326
Công ty Cổ phần Kinh doanh Lương thực Thực phẩm Sabeco	-	6.315.650
	<u>65.771.759.320</u>	<u>72.496.763.455</u>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh 5)</b>		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu	-	84.975.000
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	151.440.219	-
	<u>151.440.219</u>	<u>84.975.000</u>
<b>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 6)</b>		
<i>Khoản chi hộ thuế tiêu thụ đặc biệt</i>		
Tổng công ty Cổ Phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	131.508.005.554	-
	<u>131.508.005.554</u>	<u>-</u>
<i>Cổ tức và lợi nhuận được chia</i>		
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	2.002.000.000	1.601.600.000
	<u>2.002.000.000</u>	<u>1.601.600.000</u>
<i>Cho các bên liên quan mượn vật tư</i>		
Công ty Cổ Phần Bia - Nước Giải khát Sài Gòn - Tây Đô	-	72.081.126
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	-	20.330.574
	<u>-</u>	<u>92.411.700</u>
<i>Phải thu khác</i>		
Tổng Công ty Cổ Phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	-	53.521.280
	<u>-</u>	<u>53.521.280</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN MIỀN TÂY**

Mẫu số B 09 – DN/ HN

**34 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)****(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)**

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 12)</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	94.765.636.941	100.057.661.127
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	27.096.300	-
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn Sông Lam	84.157.500	-
Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	-	466.768.500
	<u>94.876.890.741</u>	<u>100.524.429.627</u>
<b>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 16)</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	-	11.000.000.000
	<u>-</u>	<u>11.000.000.000</u>

**35 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Dưới 1 năm	358.668.800	358.669.400
Từ 1 đến 5 năm	1.434.675.200	1.434.677.600
Trên 5 năm	15.064.089.600	15.422.758.400
	<u>16.857.433.600</u>	<u>17.216.105.400</u>

**36 CAM KẾT VỐN**

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	2015 VNĐ	2014 VNĐ
Nhà xưởng, máy móc và thiết bị	-	70.332.886.136
	<u>-</u>	<u>70.332.886.136</u>

**37 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của năm nay theo yêu cầu của Thông tư 200 như sau:

- (a) Ảnh hưởng việc trình bày lại trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Mã số	Chỉ tiêu	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014		
		Theo báo cáo trước đây VNĐ	Phân loại lại VNĐ	Số liệu trình bày lại VNĐ
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>327.761.580.739</b>	<b>(4.096.657.888)</b>	<b>323.664.922.851</b>
130	Các khoản phải thu ngắn hạn	84.205.951.360	1.398.732.105	85.604.683.465
136	Phải thu ngắn hạn khác	2.113.625.152	1.398.732.105	3.512.357.257
140	Hàng tồn kho	98.113.389.482	(4.096.657.888)	94.016.731.594
141	Hàng tồn kho	98.113.389.482	(4.096.657.888)	94.016.731.594
150	Tài sản ngắn hạn khác	2.354.891.979	(1.398.732.105)	956.159.874
155	Tài sản ngắn hạn khác	1.398.732.105	(1.398.732.105)	-
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>874.871.814.602</b>	<b>4.096.657.888</b>	<b>878.968.472.490</b>
210	Các khoản phải thu dài hạn	-	3.000.000	3.000.000
216	Phải thu dài hạn khác	-	3.000.000	3.000.000
260	Tài sản dài hạn khác	20.446.708.948	4.093.657.888	24.540.366.836
263	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	-	4.096.657.888	4.096.657.888
268	Tài sản dài hạn khác	3.000.000	(3.000.000)	-
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>417.042.814.808</b>	<b>-</b>	<b>417.042.814.808</b>
418	Quỹ đầu tư phát triển	169.783.322.027	14.500.000.000	184.283.322.027
	Quỹ dự phòng tài chính	14.500.000.000	(14.500.000.000)	-

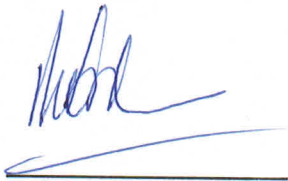
- (b) Ảnh hưởng việc trình bày lại trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Mã số	Chỉ tiêu	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014		
		Theo báo cáo trước đây VNĐ	Phân loại lại VNĐ	Số liệu trình bày lại VNĐ
<b>01</b>	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.257.059.295.764</b>	<b>(497.357.772.163)</b>	<b>759.701.523.601</b>
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(497.541.537.303)	497.357.772.163	-
<b>70</b>	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>6.690</b>	<b>(955)</b>	<b>5.735</b>

38 NỢ TIỀM TÀNG

Theo hợp đồng thuê đất không hủy ngang giữa Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn Sóc Trăng (“công ty con”) và Công ty Phát triển Hạ tầng khu công nghiệp Sóc Trăng, thuộc Lô S trong Khu Công nghiệp An Nghiệp, Tỉnh Sóc Trăng để thực hiện dự án xây dựng Nhà máy sản xuất bia với thời hạn thuê là 49 năm từ ngày 20 tháng 12 năm 2010, trong đó có quy định rằng khi hợp đồng hết hiệu lực mà không được cấp có thẩm quyền cho phép thuê tiếp tục, công ty con phải tự xử lý, giải quyết thanh lý tài sản, vật kiến trúc của mình trên diện tích thuê, bàn giao mặt bằng cho Khu Công nghiệp trong vòng 60 ngày. Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 và Thông tư 200, công ty con phải lập dự phòng cho chi phí phá dỡ và khôi phục mặt bằng khi kết thúc hợp đồng thuê. Tuy nhiên, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Ban Giám đốc không thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về chi phí phá dỡ và khôi phục mặt bằng do thời gian thuê kéo dài và có nhiều giả định không chắc chắn trong tương lai nên Tập đoàn chưa ghi nhận nghĩa vụ nợ trên vào báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Giám đốc phê duyệt ngày 24 tháng 2 năm 2016.



Dương Thị Thúy Hồng  
Người lập



Trần Thị Loan Anh  
Kế toán trưởng

Phạm Đình Hùng  
Giám đốc